

Số: /2026/NQ-HĐND

Hung Yên, ngày tháng 7 năm 2026

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Quy định tiêu chí thành lập và tiêu chí số lượng thành viên Đội dân phòng, chế độ chính sách đối với thành viên Đội dân phòng trên địa bàn tỉnh Hưng Yên

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ số 55/2024/QH15;

Căn cứ Luật lực lượng tham gia bảo vệ An ninh trật tự ở cơ sở số 30/2023/QH15;

Căn cứ Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ;

Xét Tờ trình số .../TTr-UBND ngày .../.../2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định tiêu chí thành lập và tiêu chí số lượng thành viên Đội dân phòng, chế độ chính sách đối với thành viên Đội dân phòng trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; Báo cáo thẩm tra số .../BC-BPC ngày .../.../... của Ban pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; Ý kiến thảo luận và kết quả biểu quyết của các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại Kỳ họp.

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định tiêu chí thành lập và tiêu chí số lượng thành viên Đội dân phòng, chế độ chính sách với thành viên Đội dân phòng trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định tiêu chí thành lập Đội dân phòng, tiêu chí về số lượng thành viên Đội dân phòng và chế độ chính sách đối với thành viên Đội dân phòng trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

2. Đối tượng áp dụng

a) Đội dân phòng; thành viên Đội dân phòng.

b) Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Quy định tiêu chí thành lập Đội dân phòng và tiêu chí về số lượng thành viên Đội dân phòng

1. Tiêu chí thành lập Đội dân phòng

Mỗi thôn, tổ dân phố thành lập 01 Đội dân phòng.

2. Tiêu chí số lượng thành viên Đội dân phòng

a) Đối với thôn, tổ dân phố có từ 500 hộ gia đình trở lên: Thành lập 01 Đội dân phòng có từ 10 đến 15 thành viên, gồm: 01 Đội trưởng; 01 Đội phó; 08 đến 13 Đội viên.

b) Đối với thôn, tổ dân phố có dưới 500 hộ gia đình: Thành lập 01 Đội dân phòng có từ 05 đến 10 thành viên, gồm: 01 Đội trưởng; 01 Đội phó; 03 đến 08 Đội viên.

Điều 3. Chế độ, chính sách đối với thành viên Đội dân phòng

1. Đội trưởng, đội phó, đội viên Đội dân phòng là thành viên Tổ bảo vệ an ninh trật tự (Tổ trưởng, Tổ phó, Tổ viên) được hưởng mức hỗ trợ thường xuyên hàng tháng và các chế độ chính sách khác theo quy định của Luật lực lượng tham gia bảo vệ An ninh trật tự ở cơ sở số 30/2023/QH15, Nghị quyết số 803/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên quy định tiêu chí thành lập và tiêu chí số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự; mức hỗ trợ, bồi dưỡng và một số chế độ, chính sách đối với thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

2. Đội trưởng, đội phó, đội viên Đội dân phòng khi tham gia huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ được hưởng tiền bồi dưỡng theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 của Chính phủ.

3. Đội trưởng, đội phó, đội viên Đội dân phòng khi tham gia chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ được hưởng tiền bồi dưỡng như người không thuộc lực lượng phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ khi được huy động, khi tham gia chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ theo quy định tại Điều 32 Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 của Chính phủ; nếu bị tai nạn, bị thương mà chưa tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội thì được hưởng chế độ theo quy định tại Điều 33 Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 của Chính phủ; nếu bị chết mà chưa tham gia bảo hiểm xã hội thì được hưởng chế độ theo quy định tại Điều 34 Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 của Chính phủ.

Điều 4. Nguồn kinh phí thực hiện

Do ngân sách địa phương đảm bảo, được bố trí trong dự toán ngân sách hàng năm của tỉnh, xã, phường.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai và hướng dẫn thực hiện Nghị quyết này đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày ... tháng... năm 2026 và bãi bỏ Nghị quyết số 332/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên (trước sáp nhập) và Nghị quyết số 18/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bình (trước sáp nhập).

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên khóa XVIII, Kỳ họp thứ ... thông qua ngày ... tháng 7 năm 2026.

Nơi nhận:

- Ủy ban thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ủy ban CTĐB Quốc hội;
- Bộ Công an (V01, V03, C07);
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản QPPL);
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;
- VP Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH, HĐND, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Sở Tư pháp (Cơ sở dữ liệu Quốc gia về pháp luật);
- Thường trực Đảng ủy HĐND, UBND xã, phường;
- Trung tâm TT - Hội nghị tỉnh;
- Website, Báo và PTTH Hưng Yên;
- Cổng thông tin điện tử UBND tỉnh Hưng Yên;
- Lưu: VT,CV

CHỦ TỊCH

